**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 7**

**Tuần 09: từ ngày 01/11 đến ngày 06/11/2021**

**ÔN TẬP**

**I.** **DÂN SỐ**

**1. Dân số, nguồn lao động.**

- Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động… của một địa phương, một nước.

- Dân số được biểu hiện cụ thể bằng một tháp tuổi.

- Tháp tuổi cho biết độ tuổi của dân số, số nam và nữ, nguồn lao động hiện tại và tương lai của một địa phương.

**2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và XX.**

- Dân số thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây là nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế- xã hội và y tế.

**3. Sự bùng nổ dân số.**

- Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.

- Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến sự bùng nổ dân số ở nhiều nước châu á, châu Phi và Mĩ La tinh.

- Các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước.

**II. SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI**

**1. Sự phân bố dân cư:**

- Mật độ dân số là số người sinh sống trên một đơn vị diện tích.

- Công thức tính:

 Số dân (người)

MDDS = 

 Diện tích (Km2)

- Mật độ DS trung bình của thế giới là 46 người/km2 (2003).

- Dân cư trên thế giới phân bố không đều.

- Những nơi có điều kiện sinh sống và giao thông thuận lợi, đồng bằng, đô thị, khí hậu ấm áp, mưa nắng thuận hòa thì có mật độ dân số cao.

- Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc...khí hậu khắc nghiệt có dân cư thưa thớt.

**III. QUẦN CƯ – ĐÔ THỊ HOÁ**

1.Quần cư nông thôn và quần cư đô thị.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các yếu tố** | **Quần cư nông thôn** | **Quần cư đô thị** |
| Cách tổ chức sinh sống. | Nhà cửa xen đồng ruộng, quây quần thành làng, xóm. | Nhà ống, nhà cao tầng, quy hoạch thành phố, phường. |
| Mật độ dân số. | Dân cư thưa. | Dân cư rất đông đúc. |
| Lối sống. | Dựa vào truyền thống dòng họ, có phong tục, tập quán, lễ hội riêng. | Cộng đồng có tổ chức, tuân thủ theo pháp luật, quy định và nếp sống văn minh, bình đẳng. |
| Hoạt động kinh tế chính. | Sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp. | Sản xuất công nghiệp, dịch vụ. |

- Hiện nay trên thế giới tỉ lệ người sống trong các đô thị ngày càng tăng.

**2. Đô thị hoá. Các siêu đô thị.**

**-** Các đô thị xuất hiện từ thời cổ đại.

- Hiện nay số người sống trong đô thị chiếm khoảng 50% dân số thế giới.

- Nhiều đô thị phát triển nhanh chóng trở thành các siêu đô thị.

- Trong những năm gần đây các siêu đô thị trên thế giới tăng nhanh, nhất là ở các nước đang phát triển.

**IV. THỰC HÀNH PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI**

**2. Bài tập 2.**

Nhận xét tháp tuổi của TP.HCM năm 1989 và 1999.

- Tháp tuổi năm 1989 có kết cấu dân số trẻ.

- Tháp tuổi năm 1999 có kết cấu dân số già.

⭢Sau 10 năm hình dáng tháp thay đổi:

+ Nhóm tuổi lao động tăng.

+ Nhóm tuổi dưới động giảm.

**3. Bài tập 3.**

Nhận xét sự phân bố dân cư và các đô thị của Châu Á:

- Những khu vực tập trung đông dân của Châu Á là: Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á.

- Các đô thị lớn tập trung nhiều ở khu vực Đông Á, Nam Á (Ven biển, dọc các sông lớn.)

# **V. ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẨM**

**1. Đới nóng.**

- Đới nóng trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất (khoảng 300B – 300N )

- Trong đới nóng gồm 4 kiểu môi trường:

 + MT xích đạo ẩm.

 + MT nhiệt đới.

 + MT nhiệt đới gió mùa.

 + MT hoang mạc.

**2. Môi trường xích đạo ẩm.** Vị trí: Nằm chủ yếu trong khoảng từ 5oB - 5oN.

**a. Khí hậu*.***

- Nắng nóng và mưa nhiều quanh năm.

 + Nhiệt độ TB: Từ 25⭢28o C.

 + Mưa trung bình: 1500⭢ 2500 mm.

 + Độ ẩm: trên 80%.

**b.Rừng rậm xanh quanh năm.**

-Rừng rậm rạp, nhiều tầng, xanh tốt quanh năm. Động vật phong phú.

- Vùng cửa sông, ven biển bùn lầy có nhiều rừng ngập mặn.

**VI. MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI**

**1.Khí hậu.**

- Nằm từ vĩ tuyến 5o đến chí tuyến ở cả hai bán cầu.

- Đặc điểm: nóng (trên 20o C ) và lượng mưa tập trung vào một mùa (từ 500 mm đến 1500mm) .

- Càng về gần hai chí tuyến, thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn.

**2. Các đặc điểm khác của môi trường nhiệt đới.**

- Cảnh quan cũng thay đổi theo mùa .

- Thực vật thay đổi theo lượng mưa từ xích đạo đến chí tuyến : rừng thưa , xa van , nửa hoang mạc…

- Là khu vực đông dân.

**VII. MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA ( 2 tiết)**

**\*Vị trí:**

- Thuộc hai khu vực Nam Á và Đông Nam Á

1. Khí hậu:

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa có 2 đặc điểm nổi bật là:

 + Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió, nhiệt độ trung bình năm trên 200C biên độ nhiệt trung bình khoảng 80C.

 + Mưa trung bình năm trên 1000mm thay đổi tuỳ thuộc vào vị trí gần hay xa biển, vị trí đón gió hay khuất gió.

 + Thời tiết diễn biến thất thường.

**2. Các đặc điểm khác của môi trường**:

- Môi trường nhiệt đới gió mùa là môi trường đa dạng và phong phú nhất của đới nóng.

- Gió mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người.

- Thảm thực vật đa dạng và phong phú.

- Tùy thuộc vào lượng mưa và phân bố lượng mưa trong năm mà có các thảm thực vật khác nhau: nơi có mưa nhiều, rừng rậm phát triển; nơi ít mưa có đồng cỏ cao; ở các cửa sông,ven biển có rừng ngập mặn....

- Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực thích hợp cho trồng cây lương thực (đặc biệt là lúa nước) và cây công nghiệp. Là nơi tập trung đông dân cư của thế giới.

**VIII. DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG**

1. Dân số:

- Gần 50% dân số thế giới tập trung ở đới nóng nhưng chỉ sinh sống chủ yếu ở 4 khu vực: (Đông nam Á, nam Á, Tây Phi, đông nam Bra-xin).

- Dân số ở đới nóng tăng nhanh dẫn đến hiện tượng bùng nổ dân số.

- Dân số đông và tăng nhanh tác động xấu đến phát triển kinh tế, đời sống con người và tài nguyên môi trường.

2. Sức ép của dân số tới tài nguyên môi trường:

- Gia tăng dân số nhanh bình quân lương thực theo đầu người giảm mạnh.

- Dân số tăng nhanh diện tích rừng giảm mạnh tác động tiêu cực tới tài nguyên môi trường chất lượng cuộc sống của người dân thấp.

- Biện pháp:

+ Giảm tỉ lệ gia tăng dân số.

+ Phát triển kinh tế nâng cao đời sống người dân.

**IX. THỰC HÀNH**: **NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG**

**Câu 1:**

 + Ảnh A: - Cảnh sa mạc cát Xa-ha-ra.

 - Khí hậu khô nóng.

 - Môi trường hoang mạc nhiệt đới.

 + Ảnh B: - Cảnh đồng cỏ công viên Se-ra-gat xen cây bụi gai một số cây thân gỗ lớn.

 - Khí hậu nhiệt độ cao, lượng mưa thay đổi theo mùa.

 - Môi trường nhiệt đới.

 + Ảnh C: - Rừng rậm nhiều tầng Bắc Công – gô.

 - Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm.

 - Môi trường xích đạo ẩm.

**Câu 4:**

+ Biểu đồ A: Có nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp dưới 150C vào mùa hạ, lượng mưa trong năm thấp => Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ B: Nóng quanh năm trên 200C và có 2 lần nhiệt độ lên cao trong năm, mưa nhiều vào mùa hạ => Thuộc đới nóng.

+ Biểu đồ C: Nhiệt độ tháng cao nhất vào mùa hạ không quá 200, mùa đông ấm áp không xuống dưới quá 50C, mưa quanh năm => Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ D: Có mùa đông lạnh dưới -50C => Không phải là đới nóng (loại bỏ).

+ Biểu đồ E: Có mùa hạ nóng trên 250C, mùa đông mát dưới 150C, mưa rất ít và mưa vào thu đông => Không phải là đới nóng (loại bỏ).

Kết luận: Biểu đồ B là biểu đồ khí hậu nhiệt đới gió mùa thuộc môi trường đới nóng.

**X. MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ (Mục 1)**

***\*Vị trí của đới ôn hoà:***

- Nằm giữa đới nóng và đới lạnh, khoảng từ chí tuyến đến vòng cực ở cả 2 nửa cầu.

- Gồm 5 kiểu Môi trường:

+ Môi trường ôn đới hải dương.

+ Môi trường ôn đới lục địa.

+ Môi trường ôn đới địa trung hải.

+ Môi trường ôn đới lục địa lạnh.

**1. Khí hậu:**

- Mang tính chất trung gian giữa khí hậu đới nóng và khí hậu đới lạnh.

- Thời tiết thay đổi thất thường do:

 + Các đợt khí nóng ở chí tuyến và các đợt khí lạnh ở vùng cực tràn xuống.

 + Vị trí trung gian giữa hải dương và lục địa (khối khí ẩm ướt đại dương và khối khí khô lạnh lục địa).

\* **DẶN DÒ:** Học sinh ôn nội dung bài, xem tài liệu, làm bài tập trên K12Online.

\* Mọi ý kiến thắc mắc cần giải đáp các em có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên trong giờ học online qua google meet, trường hợp đặc biệt có thể liên hệ giáo viên:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ tên GV** | **Lớp dạy** | **Zalo** |
| **Cô Phùng Thị Luyến** | 7/4, 7/6, 7/8, 7/10, 7/11, 7/12 | 0975593457 |
| **Thầy Dương Phương Thương** | 7/1,7/2, 7/3, 7/5,7/7, 7/9 | 0981628986 |